

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, thời hạn và mẫu của giấy phép hoạt động điện lực.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia các lĩnh vực hoạt động điện lực sau:

a) Tư vấn chuyên ngành điện lực bao gồm:

- Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Tư vấn quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tư vấn quy hoạch thủy điện;

- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện; Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp;

- Tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện; Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp;

- b) Phát điện;
- c) Truyền tải điện;
- d) Phân phối điện;
- đ) Bán buôn điện;
- e) Bán lẻ điện;
- g) Xuất, nhập khẩu điện.

Điều 2. Trường hợp miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực

1. Phát điện để tự sử dụng không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.
2. Phát điện có công suất lắp đặt dưới 50kW để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.
3. Kinh doanh điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo mua điện với công suất nhỏ hơn 50kVA từ lưới điện phân phối để bán điện trực tiếp tới khách hàng sử dụng điện tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.
4. Điều độ hệ thống điện quốc gia và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

Điều 3. Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép hoạt động điện lực chỉ cấp cho tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện đối với từng lĩnh vực được quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và tuân thủ quy định tại Thông tư này.
2. Giấy phép hoạt động điện lực được cấp cho tổ chức, cá nhân để thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động điện lực sau: Tư vấn chuyên ngành điện lực, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và xuất, nhập khẩu điện.
3. Giấy phép phát điện được cấp cho tổ chức để thực hiện hoạt động phát điện đối với từng nhà máy điện.

Điều 4. Nguyên tắc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi trong trường hợp đơn vị điện lực vi phạm Điều 37 Luật Điện lực; có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác.
2. Giấy phép hoạt động điện lực bị thu hồi theo từng lĩnh vực, phạm vi hoạt động.
3. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

Điều 5. Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực

Giấy phép hoạt động điện lực được cấp có thời hạn khác nhau cho các lĩnh vực hoạt động điện lực căn cứ vào phạm vi hoạt động, loại công trình điện, thời hạn đăng ký, năng lực, trình độ chuyên môn của đơn vị hoạt động điện lực nhưng không vượt quá thời hạn được quy định ở Bảng sau:

TT	Lĩnh vực hoạt động điện lực	Thời hạn tối đa của giấy phép
1	Tư vấn chuyên ngành điện lực	05 năm
2	Phát điện	
a)	Các nhà máy nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	20 năm
b)	Các nhà máy điện không thuộc danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	10 năm
3	Truyền tải điện	20 năm
4	Phân phối điện	10 năm
5	Bán buôn, bán lẻ điện	10 năm
6	Xuất, nhập khẩu điện	10 năm

Điều 6. Phạm vi hoạt động của giấy phép hoạt động điện lực

1. Giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực có phạm vi hoạt động trong cả nước.
2. Giấy phép phát điện có phạm vi hoạt động cho từng nhà máy điện.
3. Giấy phép truyền tải điện, phân phối điện có phạm vi hoạt động trong phạm vi quản lý, vận hành lưới điện cụ thể.
4. Giấy phép bán buôn, bán lẻ điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi địa giới hành chính cụ thể.
5. Giấy phép xuất, nhập khẩu điện có phạm vi hoạt động theo phạm vi cụ thể của điểm giao nhận điện năng.

Điều 7. Lệ phí và phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp lệ phí cấp giấy phép và phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật.
2. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực được sử dụng lệ phí cấp giấy phép và phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực để phục vụ cho công tác thẩm định, cấp giấy phép, kiểm tra và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực. Việc thu, nộp và sử dụng lệ phí cấp giấy phép, phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép tư vấn chuyên ngành điện lực

1. Văn bản đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).
2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
3. Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý, chuyên gia tư vấn chính (theo mẫu tại Phụ lục 7a kèm theo Thông tư này), kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký với tổ chức tư vấn.
4. Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà tổ chức tư vấn hoặc các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.
5. Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép phát điện

1. Văn bản đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).
2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp phép.
3. Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý (Ban lãnh đạo, người trực tiếp quản lý kỹ thuật và vận hành nhà máy điện), kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. Tài liệu chứng minh việc đào tạo đối với đội ngũ công nhân trực tiếp vận hành.
4. Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nhà máy điện của cấp có thẩm quyền.
5. Danh mục các hạng mục công trình điện chính của nhà máy điện.
6. Bản sao tài liệu kỹ thuật xác định công suất lắp đặt từng tổ máy, thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào hệ thống, thỏa thuận về hệ thống đo đếm điện năng theo quy định.
7. Phương án cung cấp nhiên liệu (đối với nhà máy nhiệt điện).
8. Bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp nhận.

9. Bản sao hợp đồng mua bán điện đã ký hoặc văn bản thỏa thuận mua bán điện.
10. Bản sao văn bản xác nhận kết quả kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
11. Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận việc đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định.
12. Bản sao Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (đối với nhà máy thủy điện).
13. Bản sao Quy trình phối hợp vận hành nhà máy điện với Đơn vị Điều độ hệ thống điện, Quy trình vận hành và xử lý sự cố, Danh mục các quy trình vận hành thiết bị.
14. Biên bản nghiệm thu hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu phục vụ vận hành hệ thống điện, thị trường điện theo quy định.
15. Biên bản nghiệm thu đập thủy điện và tuyến năng lượng và Bản đăng ký an toàn đập gửi cơ quan có thẩm quyền; Báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).
16. Bản sao biên bản nghiệm thu từng phần các hạng mục công trình điện chính của dự án phát điện, biên bản nghiệm thu chạy thử không tải và có tải từng tổ máy, biên bản nghiệm thu toàn phần liên động có tải từng tổ máy.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép truyền tải điện, phân phối điện

1. Văn bản đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).
2. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp phép.
3. Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý (Ban lãnh đạo, người trực tiếp quản lý kỹ thuật, vận hành lưới điện truyền tải/ phân phối), kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp. Tài liệu chứng minh việc đào tạo đối với đội ngũ công nhân trực tiếp vận hành.
4. Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính do tổ chức đang quản lý vận hành hoặc chuẩn bị tiếp nhận theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
5. Bản sao có chứng thực tài liệu chứng minh việc đã đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định.
6. Bản sao thỏa thuận hoặc hợp đồng đấu nối.
7. Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.